

Bản án số: **62/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/5/2022

V/v **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Phi Công.

2. Ông Phạm Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **618/2021/TLST-HNGĐ** ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **38/2022/QĐXXS-HNGĐ** ngày 01 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: **36/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 21 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 1, xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn: Ông Sơn P**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp TT, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2021, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Bà và ông Sơn P tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Theo bà N cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên từ đó không ai còn quan tâm đến nhau, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên bà có yêu cầu ly hôn với ông P.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung cháu Sơn Thị Xuân L, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Sơn Ngọc S, sinh ngày 04/8/2011. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà N không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sơn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc cung cấp hiện ông Sơn P đang sinh sống tại tổ 18, ấp TT, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Về mâu thuẫn của bà N và ông P chính quyền địa phương không nắm rõ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

Áp dụng các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Bà N được ly hôn với ông Sơn P.

Về con chung: Giao 02 cháu Sơn Thị Xuân L, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Sơn Ngọc S, sinh ngày 04/8/2011 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng tới khi các cháu đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời bà N không yêu cầu ông P đóng góp phí tổn nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: do bà N, ông P không có lời khai về tài sản và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Sơn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Sơn P, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với ông Sơn P. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị N và ông Sơn P tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Theo bà N khai cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên từ đó không ai còn quan tâm đến nhau, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Nay bà N nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên bà có yêu cầu ly hôn với ông P.

Xét cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Sơn P tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu trên của bà N là có cơ sở và cũng phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Giao 02 cháu Sơn Thị Xuân L, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Sơn Ngọc S, sinh ngày 04/8/2011 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời bà N không yêu cầu ông P đóng góp phí tổn nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông P được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, ông, bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà N, ông P không có lời khai về tài sản và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[7] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Sơn P về việc ***“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”***. Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Sơn P.

- **Về con chung:** Giao 02 cháu Sơn Thị Xuân L, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Sơn Ngọc S, sinh ngày 04/8/2011 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời bà N không yêu cầu ông P đóng góp phí tổn nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông P được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, ông, bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Do bà N, ông P không có lời khai về tài sản và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

- **Về án phí:** áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0006008 ngày 10/12/2021 được tính trừ vào án phí.

Bà Nguyễn Thị N, ông Sơn P được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự; Lưu hs.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phượng

